

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

ĐỀ 9

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Rút gọn phân số $\frac{63}{72}$ ta được phân số:

A. $\frac{6}{7}$

B. $\frac{4}{5}$

C. $\frac{7}{8}$

D. $\frac{3}{8}$

Phương pháp

Chia cả tử số và mẫu số của phân số đã cho với cùng một số tự nhiên khác 0 đến khi thu được phân số tối giản.

Cách giải

$$\frac{63}{72} = \frac{63:9}{72:9} = \frac{7}{8}$$

Đáp án: C

Câu 2. Năm 1760 thuộc thế kỉ thứ mấy?

A. XIV

B. XVII

C. XVIII

D. XIX

Phương pháp

Từ năm 1701 đến năm 1800 thuộc thế kỉ XVIII.

Cách giải

Năm 1760 thuộc thế kỉ thứ XVIII.

Đáp án: C

Câu 3. Đổi 4 phút 18 giây = giây

A. 258

B. 224

C. 220

D. 280

Phương pháp

Áp dụng cách đổi: 1 phút = 60 giây

Cách giải

$$4 \text{ phút } 18 \text{ giây} = 240 \text{ giây} + 18 \text{ giây} = 258 \text{ giây}$$

Đáp án: A

Câu 4. Tổng của bốn số là 660. Trung bình cộng của ba số đầu là 135. Hỏi số thứ tư là bao nhiêu?

A. 120

B. 255

C. 235

D. 250

Phương pháp

Bước 1. Tìm tổng của ba số đầu = Trung bình cộng của ba số đầu $\times 3$

Bước 2. Số thứ tư = Tổng của bốn số là 660 - tổng của ba số đầu

Cách giải

Tổng của ba số đầu là: $135 \times 3 = 405$

Số thứ tư là $660 - 405 = 255$

Đáp án: B

Câu 5. An hoàn thành bài tập ôn hè môn Toán. Ngày thứ nhất An làm được $\frac{5}{12}$ số bài tập. Ngày thứ hai, An làm được số bài tập bằng một nửa ngày thứ nhất. Hỏi An còn phải làm nốt bao nhiêu phần bài tập nữa?

A. $\frac{7}{12}$

B. $\frac{5}{8}$

C. $\frac{3}{8}$

D. $\frac{1}{4}$

Phương pháp

Bước 1. Tìm số phần bài tập An làm trong ngày thứ hai = số phần bài tập An làm trong ngày thứ nhất : 2

Bước 2. Tìm số phần bài tập làm trong 2 ngày

Bước 3. Tìm số phần bài tập còn lại An phải làm

Cách giải

Số phần bài tập An làm trong ngày thứ hai là $\frac{5}{12} : 2 = \frac{5}{24}$ (số bài tập)

Số phần bài tập An làm trong hai ngày là $\frac{5}{12} + \frac{5}{24} = \frac{5}{8}$ (số bài tập)

An còn phải làm nốt số phần bài tập nữa là: $1 - \frac{5}{8} = \frac{3}{8}$ (số bài tập)

Đáp án: C**II. TỰ LUẬN**

Câu 1. Điền số thích hợp vào ô trống:

$35\text{m}^2 \ 9\text{dm}^2 = \dots \text{dm}^2$

$80 \ 003 \text{dm}^2 = \dots \text{m}^2 \ \dots \text{cm}^2$

$6 \text{ tấn } 12 \text{ kg} = \dots \text{kg}$

$8026 \text{ kg} = \dots \text{tạ} \ \dots \text{kg}$

Phương pháp giải

Áp dụng cách đổi: $1 \text{ m}^2 = 100 \text{ dm}^2$

$$1 \text{ tấn} = 1000 \text{ kg}$$

Lời giải chi tiết

$$35\text{m}^2 \text{ } 9\text{dm}^2 = \mathbf{3509 \text{ dm}^2}$$

$$80 \text{ } 003 \text{ dm}^2 = \mathbf{800 \text{ m}^2 \text{ } 300 \text{ cm}^2}$$

$$6 \text{ tấn } 12 \text{ kg} = \mathbf{6012 \text{ kg}}$$

$$8026 \text{ kg} = \mathbf{80 \text{ tạ } 26 \text{ kg}}$$

Câu 2. Tính.

$$\text{a) } \frac{3}{10} \times \frac{5}{12} + \frac{1}{3}$$

$$\text{b) } \frac{11 \times 14 \times 18}{9 \times 33 \times 7}$$

Phương pháp giải

a) Với biểu thức có phép nhân và phép cộng ta thực hiện phép nhân trước, thực hiện phép cộng sau.

b) Phân tích tử số và mẫu số thành tích của các thừa số chung rồi rút gọn.

Lời giải chi tiết

$$\text{a) } \frac{3}{10} \times \frac{5}{12} + \frac{1}{3} = \frac{3 \times 5}{10 \times 12} + \frac{1}{3} = \frac{3 \times 5}{5 \times 2 \times 4 \times 3} + \frac{1}{3} = \frac{1}{8} + \frac{1}{3} = \frac{3}{24} + \frac{8}{24} = \frac{11}{24}$$

$$\text{b) } \frac{11 \times 14 \times 18}{9 \times 33 \times 7} = \frac{11 \times 7 \times 2 \times 9 \times 2}{9 \times 3 \times 11 \times 7} = \frac{4}{3}$$

Câu 3. Chú Tư mua trả góp chiếc máy giặt giá 8 640 000 đồng. Nhân viên bán hàng tư vấn rằng:

chú chỉ cần trả $\frac{1}{3}$ số tiền mua máy và trả dần số tiền còn lại trong 1 năm (không lãi suất). Mỗi tháng

chú trả số tiền như nhau. Hỏi mỗi tháng chú Tư phải trả bao nhiêu tiền?

Phương pháp

Bước 1. Tìm số tiền chú Tư cần trả trước = Giá tiền chiếc máy giặt $\times \frac{1}{3}$

Bước 2. Tìm số tiền còn lại chú Tư cần trả = Giá tiền chiếc máy giặt - số tiền chú Tư cần trả trước

Bước 3. Số tiền mỗi tháng chú Tư phải trả = số tiền còn lại : số tháng trong 1 năm

Cách giải

Số tiền chú Tư cần trả trước là:

$$8640000 \times \frac{1}{3} = 2880000 \text{ (đồng)}$$

Số tiền còn lại chú Tư cần trả là:

$$8 \text{ } 640 \text{ } 000 - 2 \text{ } 880 \text{ } 000 = 5 \text{ } 760 \text{ } 000 \text{ (đồng)}$$

Mỗi tháng chú Tư phải trả số tiền là:

$$5 \text{ } 760 \text{ } 000 : 12 = 480 \text{ } 000 \text{ (đồng)}$$

Đáp số: 480 000 đồng

Câu 4. Một thửa ruộng hình chữ nhật có chu vi 136 m. Tính diện tích thửa ruộng đó biết nếu tăng chiều rộng 8 m và giảm chiều dài 8 m thì thửa ruộng đó trở thành hình vuông.

Phương pháp

- Tìm nửa chu vi của hình chữ nhật = Chu vi hình chữ nhật : 2
- Tìm hiệu giữa chiều dài và chiều rộng
- Tìm chiều dài và chiều rộng theo bài toán tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó.
- Tìm diện tích thửa ruộng hình chữ nhật

Cách giải

Nửa chu vi của hình chữ nhật là

$$136 : 2 = 68 \text{ (m)}$$

Nếu tăng chiều rộng 8 m và giảm chiều dài 8m thì thửa ruộng đó trở thành hình vuông nên chiều dài hơn chiều rộng số mét là

$$8 + 8 = 16 \text{ (mét)}$$

Chiều rộng của thửa ruộng là

$$(68 - 16) : 2 = 26 \text{ (m)}$$

Chiều dài của thửa ruộng là

$$68 - 26 = 42 \text{ (m)}$$

Diện tích thửa ruộng hình chữ nhật là

$$26 \times 42 = 1092 \text{ (m}^2\text{)}$$

Đáp số: 1092 m²

Câu 5. Người ta dùng 234 chữ số để đánh số trang của một quyển sách kể từ trang 1. Hỏi quyển sách đó dày bao nhiêu trang?

Phương pháp

Bước 1. Tìm số trang từ 1 đến 9

Bước 2. Tìm số trang từ 10 đến 99

Bước 3. Tìm số trang được đánh bằng số có ba chữ số

Bước 4. Tìm số trang của cuốn sách = số trang từ 1 đến 9 + số trang từ 10 đến 99 + số trang được đánh bằng số có ba chữ số

Cách giải

a) Từ trang 1 đến trang 9 có 9 trang gồm 1 chữ số

Từ trang 10 đến trang 99 có 90 trang gồm 2 chữ số.

Từ trang 1 đến trang 99 có số chữ số là:

$$1 \times 9 + 2 \times 90 = 189 \text{ (chữ số)}$$

Số chữ số để đánh các trang có 3 chữ số là:

$$234 - 189 = 45 \text{ (chữ số)}$$

Số các trang có 3 chữ số là:

$$45 : 3 = 15 \text{ (trang)}$$

Số trang của quyển sách là:

$$9 + 90 + 15 = 114 \text{ (trang)}$$

Đáp số: 114 trang

-----HẾT-----